

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2026

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Nguyễn Văn Độ

2. Bà Nguyễn Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2026/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXX-ST, ngày 17 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1976; số CCCD: 052176003390, cấp ngày 28/6/2022; trú tại: Thôn 3A (nay là thôn 14), xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Phương V, sinh năm 1976; số CCCD: 066076001379; trú tại: Thôn 3A (nay là thôn 14), xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2026, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đoàn Phương V chung sống với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Ral (nay là UBND xã Ea Drăng), tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau hai

người hạnh phúc được một thời gian dài (10 năm), thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V không có trách nhiệm với gia đình, cãi vã nhau trong cuộc sống, hai người không có tiếng nói chung, đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, bà M nhận thấy không còn tình cảm với ông V nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà M và ông V có 02 con chung là cháu Đoàn Nguyễn Lam Q, sinh ngày 11/5/2009 và cháu Đoàn Nguyễn Trúc X, sinh ngày 03/9/2016, từ trước đến nay các con chung ở với bà M. Nay bà M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Đoàn Phương V.

Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Đoàn Nguyễn Lam Q, sinh ngày 11/5/2009 và cháu Đoàn Nguyễn Trúc X, sinh ngày 03/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, bị đơn ông Đoàn Phương V, có nơi cư trú tại thôn 3A, xã Ea D, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Phương V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Đoàn Phương V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Ral (nay là Ủy ban nhân dân xã Ea Drăng), tỉnh Đắk Lắk vào năm 2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà M và ông đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, hai người đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc hay giúp đỡ lẫn nhau. Điều này chứng tỏ các đương sự không còn mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Thực tế, bà M xác định không còn tình cảm với ông V, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc mà còn làm tổn thương đến danh dự, nhân phẩm của nhau. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc M, cho bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Đoàn Phương V.

[3.2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ trước đến nay, các con chung đều do bà Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng tốt. Hiện tại, các cháu cũng đang ở ổn định cùng với bà M. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, giúp các cháu có điều kiện phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần, đồng thời tránh làm xáo trộn môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày, cần chấp nhận nguyện vọng của bà M. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đoàn Nguyễn Lam Q, sinh ngày 11/5/2009 và cháu Đoàn Nguyễn Trúc X, sinh ngày 03/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3.3]. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3.4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với ông Đoàn Phương V.

Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Đoàn Nguyễn Lam Q, sinh ngày 11/5/2009 và cháu Đoàn Nguyễn Trúc X, sinh ngày 03/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc M chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con chung ông ông Đoàn Phương V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000465, ngày 09/7/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự ;

- Viện KSND khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9 – Đắk Lắk;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Năng Quân